

THÔNG BÁO

Danh sách và lịch thi Vòng 2 (Thi phỏng vấn) kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-DA ngày 05/12/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023 (sau đây gọi tắt là hội đồng tuyển dụng) thông báo Danh sách và lịch thi Vòng 2 (thi phỏng vấn), cụ thể như sau:

1. Danh sách thí sinh và số báo danh theo các vị trí tuyển dụng tại **Phụ lục số 01** đính kèm Thông báo này.

2. Lịch thi Vòng 2 (thi phỏng vấn) kỳ tuyển dụng được tổ chức vào ngày 09/03/2024, buổi sáng bắt đầu từ lúc 07 giờ 30, buổi chiều bắt đầu từ lúc 13 giờ 00 phút, cụ thể:

- Sáng ngày 09/03/2024 đối với vị trí việc làm: Kế toán - Tài chính và Hành chính - Tổng hợp.

- Chiều ngày 09/03/2024 đối với vị trí việc làm: Kỹ thuật - Thẩm định; Quản lý công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản lý công trình Giao thông; Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích.

Cụ thể lịch thi, phòng thi, số báo danh theo danh sách tại **Phụ lục số 02** đính kèm Thông báo này.

3. Địa điểm tổ chức phỏng vấn: Tầng số 3, dãy nhà B khu vực giảng đường, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên, địa chỉ số 02 Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sơ đồ phòng thi sẽ được niêm yết tại Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên và đính kèm tại Thông báo này.

4. Thời gian khai mạc vào lúc 06 giờ 45 phút ngày 09/03/2024 tại Hội trường Tầng số 3, dãy nhà B khu vực giảng đường Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên, địa chỉ số 02 Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

5. Đề nghị các thí sinh có mặt tại địa điểm thi trước 06 giờ 45 phút ngày 09/03/2024 để tham dự buổi Lễ khai mạc. Đồng thời mang theo Căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác (có dán ảnh) để các Ban và Tổ giúp việc của Hội đồng tuyển dụng kiểm tra, đối chiếu khi gọi thí sinh vào phòng thi.

6. Đề nghị thí sinh khi tham gia Vòng 2 (thi phỏng vấn) kỳ tuyển dụng thực hiện nghiêm túc nội quy thi được ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐTD



ngày 23/02/2024 của Hội đồng tuyển dụng (đính kèm). Trường hợp thí sinh vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

LƯU Ý: Đề nghị các thí sinh thường xuyên theo dõi các thông báo của Hội đồng tuyển dụng tại Cổng thông tin điện tử thành phố: buonmathuot.daklak.gov.vn để kịp thời cập nhật, nắm bắt các nội dung có liên quan đến kỳ thi để thực hiện và có mặt tham dự đúng thời gian quy định.

Hội đồng tuyển dụng thông báo đến các thí sinh được biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- GD, các PGD Ban QLDA;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát kỳ tuyển dụng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Các thí sinh dự tuyển (qua Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐTXD THÀNH PHỐ
Lưu Quốc Bảo**



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01

DANH SỔ BÁO DANH THÍ SINH VÒNG 2 (THI PHÒNG VẤN)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT NĂM 2023

(Ban hành Kèm theo Thông báo số 06/TB-DA ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023)

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Vị trí việc làm: Kỹ thuật - Thẩm định											
1	Hoàng Tiến Cường	TĐ001	15/09/1989	Nam	Kinh	Con thương binh	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng	Quản lý dự án; Định giá xây dựng	
2	Đặng Sỹ Lệ	TĐ002	06/10/1986	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	
3	Trần Thị Hoài Linh	TĐ003	13/08/1984	Nữ	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Kinh tế xây dựng và Quản lý dự án	Quản lý dự án	
4	Đào Ngọc Tân	TĐ004	02/03/1977	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Đo lường điều khiển	Giám sát; Định giá; Thiết kế	
5	Phạm Văn Thành	TĐ005	26/01/1989	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	
6	Trần Tấn Vinh	TĐ006	19/10/1986	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án; Định giá xây dựng	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
II	Vị trí việc làm: Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật											
1	Nguyễn Việt Duy	DD001	16/10/1982	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	
2	Phạm Anh Đức	DD002	05/07/1992	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	
3	Trần Trường Giang	DD003	14/12/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý dự án	
4	Bùi Văn Hiền	DD004	03/06/1976	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình	Giám sát; Định giá xây dựng	
5	Lê Anh Kiệt	DD005	21/10/1989	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Giám sát; Định giá xây dựng	
6	Vũ Khoa Nam	DD006	25/07/1984	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	
7	Nguyễn Tấn Thanh	DD007	10/10/1968	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	
8	Phạm Văn Thanh	DD008	30/06/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	
9	Phạm Văn Thành	DD009	15/07/1988	Nam	Kinh	Con thương binh	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
III	Vị trí việc làm: Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn											
1	Nguyễn Đình Duy	NN001	22/09/1990	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Giám sát	
2	Đỗ Hải Đông	NN002	08/11/1979	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Công trình thủy lợi	Quản lý dự án; Giám sát	
3	Nguyễn Ngọc Hoành	NN003	01/08/1977	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng thủy lợi - thủy điện	Quản lý dự án; Giám sát	
4	Phạm Duy Nhự	NN004	08/07/1970	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Công trình thủy lợi	Quản lý dự án; Giám sát	
5	Lê Văn Tinh	NN005	14/02/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Giám sát	
6	Nguyễn Hữu Thắng	NN006	13/08/1994	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Thạc sỹ	Kỹ Thuật xây dựng công trình giao thông	Giám sát	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
IV	Vị trí việc làm: Quản lý công trình giao thông											
1	Nguyễn Châu Anh	GT001	22/08/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	
2	Đỗ Phú Đạt	GT002	01/01/1996	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	
3	Trần Phạm Mai Đức	GT003	24/04/1984	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	
4	Phạm Minh Nhất	GT004	14/07/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	
5	Ngô Huỳnh Phong	GT005	04/12/1979	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	
6	Trần Văn Vũ	GT006	10/01/1995	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
V	Vị trí việc làm: Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích											
1	Đặng Xuân Hà	CI001	08/10/1990	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		
2	Trương Thị Thanh Hằng	CI002	02/01/1998	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		
3	Trương Quang Hiếu	CI003	12/09/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		
4	Phan Xuân Hóa	CI004	12/10/1978	Nam	Kinh	Con thương binh	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Điện kỹ thuật	Quản lý dự án; Giám sát	
5	Nguyễn Thị Hoài	CI005	08/01/1991	Nữ	Kinh	Con thương binh	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		
6	Nguyễn Thành Hoàng	CI006	19/07/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Lâm nghiệp		
7	Nguyễn Mạch Nhung Huyền	CI007	04/03/1991	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Thạc sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường		
8	Vũ Văn Minh	CI008	10/07/1982	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
9	Hoàng Quảng Nghĩa	CI009	25/06/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		
10	Nguyễn Đình Phú	CI010	08/06/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án - Hạng II; Giám sát - Hạng II; Định giá xây dựng - Hạng II	
11	Nguyễn Thị Hoài Phương	CI011	10/05/1984	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Kế toán		
12	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	CI012	18/02/1997	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		
VI	Vị trí việc làm: Kế toán - Tài chính											
1	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	KT001	07/08/1994	Nữ	Kinh	Con liệt sỹ	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
2	Nguyễn Vũ Thùy Dương	KT002	16/09/1984	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
3	Nguyễn Quốc Khánh	KT003	05/06/1987	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
4	Lý Hoàng Bảo Lâm	KT004	26/05/1999	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
5	Trần Thị Liên	KT005	10/10/1983	Nữ	Kinh	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
6	Đặng Thị Nhung	KT006	05/09/1985	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
7	Phan Thị Nhung	KT007	12/07/1972	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
8	Trần Kim Phụng	KT008	25/08/1988	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		
9	Nguyễn Thị Tố Quyên	KT009	04/03/1982	Nữ	Kinh	Con bệnh binh	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
10	Trần Anh Tuấn	KT010	26/06/1985	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
11	Nguyễn Đăng Thuận	KT011	14/11/1971	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
12	Nguyễn Thị Thúy	KT012	13/06/1990	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
13	Phạm Thị Hoài Thương	KT013	22/07/1996	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
14	Phan Thị Vân	KT014	10/08/1982	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		
VII	Vị trí việc làm: Hành chính - Tổng hợp											
1	Phạm Trần Văn Anh	HC001	09/07/1997	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Thạc sỹ	Luật		
2	Đắc Thị Thu Hiền	HC002	12/11/1984	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
3	Nguyễn Hữu Hòa	HC003	18/05/1988	Nam	Kinh	Con bệnh binh	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
4	Nguyễn Thị Bích Hồng	HC004	03/12/1974	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Quản trị doanh nghiệp thương mại		
5	Đặng Quốc Hùng	HC005	10/10/2001	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
6	Hoàng Nguyễn Xuân Hương	HC006	16/01/1997	Nữ	Kinh	Con thương binh	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Ghi chú
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
7	Võ Thị Khánh Ly	HC007	03/09/1995	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
8	Trần Công Minh	HC008	29/01/1997	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
9	Hoàng Thị Quỳnh Na	HC009	30/04/1992	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
10	Phạm Thanh Nhân	HC010	23/10/1984	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin		
11	Lê Thanh Phú	HC011	10/06/1987	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		
12	Lê Thị Phụng	HC012	13/04/2000	Nữ	Mường	Người dân tộc thiểu số	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
13	Lê Trung Tín	HC013	28/06/1991	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		
14	Phạm Nguyễn Tường Vi	HC014	11/10/1991	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		
15	Phan Thảo Vy	HC015	26/12/1993	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		



DANH SÁCH LỊCH THI, PHÒNG THI VÒNG 2 (THI PHÒNG VẤN)
KY TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT NĂM 2023
(Ban hành Kèm theo Thông báo số 06 /TB-DA ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023)

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Buổi sáng, ngày 09/3/2024 (thứ Bảy) - Bắt đầu vào lúc 07 giờ 30 phút												
1	Phạm Trần Văn Anh	HC001	09/07/1997	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Thạc sỹ	Luật		Phòng thi số 01
2	Đắc Thị Thu Hiền	HC002	12/11/1984	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
3	Nguyễn Hữu Hòa	HC003	18/05/1988	Nam	Kinh	Con bệnh binh	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
4	Nguyễn Thị Bích Hồng	HC004	03/12/1974	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Quản trị doanh nghiệp thương mại		Phòng thi số 01
5	Đặng Quốc Hùng	HC005	10/10/2001	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
6	Hoàng Nguyễn Xuân Hương	HC006	16/01/1997	Nữ	Kinh	Con thương binh	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Phòng thi số 01
7	Võ Thị Khánh Ly	HC007	03/09/1995	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
8	Trần Công Minh	HC008	29/01/1997	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
9	Hoàng Thị Quỳnh Na	HC009	30/04/1992	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
10	Phạm Thanh Nhân	HC010	23/10/1984	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Công nghệ thông tin		Phòng thi số 01
11	Lê Thanh Phú	HC011	10/06/1987	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Phòng thi số 01
12	Lê Thị Phụng	HC012	13/04/2000	Nữ	Mường	Người dân tộc thiểu số	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
13	Lê Trung Tín	HC013	28/06/1991	Nam	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
14	Phạm Nguyễn Tường Vi	HC014	11/10/1991	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Phòng thi số 01

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
15	Phan Thảo Vy	HC015	26/12/1993	Nữ	Kinh	Không	Hành chính - Tổng hợp	12/12	Đại học	Luật		Phòng thi số 01
16	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	KT001	07/08/1994	Nữ	Kinh	Con liệt sỹ	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
17	Nguyễn Vũ Thùy Dương	KT002	16/09/1984	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
18	Nguyễn Quốc Khánh	KT003	05/06/1987	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
19	Lý Hoàng Bảo Lâm	KT004	26/05/1999	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
20	Trần Thị Liên	KT005	10/10/1983	Nữ	Kinh	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
21	Đặng Thị Nhung	KT006	05/09/1985	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phòng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
22	Phan Thị Nhung	KT007	12/07/1972	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
23	Trần Kim Phụng	KT008	25/08/1988	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Phòng thi số 02
24	Nguyễn Thị Tô Quyên	KT009	04/03/1982	Nữ	Kinh	Con bệnh binh	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
25	Trần Anh Tuấn	KT010	26/06/1985	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
26	Nguyễn Đăng Thuận	KT011	14/11/1971	Nam	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
27	Nguyễn Thị Thúy	KT012	13/06/1990	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
28	Phạm Thị Hoài Thương	KT013	22/07/1996	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02
29	Phan Thị Vân	KT014	10/08/1982	Nữ	Kinh	Không	Kế toán - Tài chính	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 02

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
Buổi chiều, ngày 09/3/2024 (thứ Bảy) - Bắt đầu vào lúc 13 giờ 00 phút												
1	Hoàng Tiến Cường	TĐ001	15/09/1989	Nam	Kinh	Con thương binh	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng	Quản lý dự án; Định giá xây dựng	Phòng thi số 02
2	Đặng Sỹ Lệ	TĐ002	06/10/1986	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	Phòng thi số 02
3	Trần Thị Hoài Linh	TĐ003	13/08/1984	Nữ	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Kinh tế xây dựng và Quản lý dự án	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
4	Đào Ngọc Tân	TĐ004	02/03/1977	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Đo lường điều khiển	Giám sát; Định giá; Thiết kế	Phòng thi số 02
5	Phạm Văn Thành	TĐ005	26/01/1989	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	Phòng thi số 02
6	Trần Tấn Vinh	TĐ006	19/10/1986	Nam	Kinh	Không	Kỹ thuật - Thẩm định	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án; Định giá xây dựng	Phòng thi số 02
7	Nguyễn Châu Anh	GT001	22/08/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
8	Đỗ Phú Đạt	GT002	01/01/1996	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	Phòng thi số 02

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phòng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
9	Trần Phạm Mai Đức	GT003	24/04/1984	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
10	Phạm Minh Nhất	GT004	14/07/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
11	Ngô Huỳnh Phong	GT005	04/12/1979	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
12	Trần Văn Vũ	GT006	10/01/1995	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình giao thông	12/12	Đại học	Kỹ Thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án	Phòng thi số 02
13	Nguyễn Đình Duy	NN001	22/09/1990	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Giám sát	Phòng thi số 02
14	Đỗ Hải Đông	NN002	08/11/1979	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Công trình thủy lợi	Quản lý dự án; Giám sát	Phòng thi số 02
15	Nguyễn Ngọc Hoàn	NN003	01/08/1977	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng thủy lợi - thủy điện	Quản lý dự án; Giám sát	Phòng thi số 02
16	Phạm Duy Nhựt	NN004	08/07/1970	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Công trình thủy lợi	Quản lý dự án; Giám sát	Phòng thi số 02
17	Lê Văn Tinh	NN005	14/02/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Đại học	Xây dựng cầu đường	Giám sát	Phòng thi số 02

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
18	Nguyễn Hữu Thắng	NN006	13/08/1994	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	12/12	Thạc sỹ	Kỹ Thuật xây dựng công trình giao thông	Giám sát	Phòng thi số 02
19	Nguyễn Việt Duy	DD001	16/10/1982	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	Phòng thi số 01
20	Phạm Anh Đức	DD002	05/07/1992	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Quản lý dự án; Giám sát; Định giá xây dựng	Phòng thi số 01
21	Trần Trường Giang	DD003	14/12/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Quản lý dự án	Phòng thi số 01
22	Bùi Văn Hiền	DD004	03/06/1976	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình	Giám sát; Định giá xây dựng	Phòng thi số 01
23	Lê Anh Kiệt	DD005	21/10/1989	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Giám sát; Định giá xây dựng	Phòng thi số 01
24	Vũ Khoa Nam	DD006	25/07/1984	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	Phòng thi số 01
25	Nguyễn Tấn Thanh	DD007	10/10/1968	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	Phòng thi số 01
26	Phạm Văn Thanh	DD008	30/06/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	Phòng thi số 01

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phông văn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
27	Phạm Văn Thành	DD009	15/07/1988	Nam	Kinh	Con thương binh	Quản lý công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	12/12	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Quản lý dự án	Phòng thi số 01
28	Đặng Xuân Hà	CI001	08/10/1990	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		Phòng thi số 01
29	Trương Thị Thanh Hằng	CI002	02/01/1998	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Phòng thi số 01
30	Trương Quang Hiếu	CI003	12/09/1980	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		Phòng thi số 01
31	Phan Xuân Hóa	CI004	12/10/1978	Nam	Kinh	Con thương binh	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Điện kỹ thuật	Quản lý dự án; Giám sát	Phòng thi số 01
32	Nguyễn Thị Hoài	CI005	08/01/1991	Nữ	Kinh	Con thương binh	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Phòng thi số 01
33	Nguyễn Thành Hoàng	CI006	19/07/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Lâm nghiệp		Phòng thi số 01
34	Nguyễn Mạch Nhung Huyền	CI007	04/03/1991	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Thạc sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Phòng thi số 01
35	Vũ Văn Minh	CI008	10/07/1982	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		Phòng thi số 01
36	Hoàng Quảng Nghĩa	CI009	25/06/1985	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		Phòng thi số 01

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo				Phòng phỏng vấn
								Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
37	Nguyễn Đình Phú	CI010	08/06/1986	Nam	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Quản lý dự án - Hạng II; Giám sát Hạng II; Định giá xây dựng - Hạng II	Phòng thi số 01
38	Nguyễn Thị Hoài Phương	CI011	10/05/1984	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Kế toán		Phòng thi số 01
39	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	CI012	18/02/1997	Nữ	Kinh	Không	Quản lý điều hành công trình đô thị và dịch vụ công ích	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh		Phòng thi số 01